

Số: /GPMT-STNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đình chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố Hà Nội;

Xét văn bản số 05/CV-BVTX ngày 14/5/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường, văn bản số 72/2024/CV-UNICHEM ngày 01/7/2024 của Công ty TNHH Unichem-Việt Nam về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án: “Nhà máy sản xuất sơn tường hệ nhũ tương” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội tại Báo cáo số 1001/BC-CCBVM-TM ngày 02/7/2024 và Báo cáo bổ sung ngày 21 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Unichem - Việt Nam, có địa chỉ trụ sở chính tại: Lô 29, Cụm Công nghiệp Lại Yên, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: “Nhà máy sản xuất sơn tường hệ nhũ tương” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất sơn tường hệ nhũ tương”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 29, Cụm công nghiệp Lại Yên, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

1.3. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Unichem - Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH, mã số doanh nghiệp: 0103415905 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/02/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/5/2019.

Mã số thuế: 0103415905.

Địa chỉ trụ sở chính tại: Lô 29, Cụm Công nghiệp Lại Yên, Xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án công nghiệp, sản xuất sơn nước với công suất 400 tấn sản phẩm/năm

1.5. Phạm vi, quy mô công suất của cơ sở:

- Khu vực cơ sở có quy mô diện tích là 2920m² gồm: Diện tích nhà xưởng và diện tích xây dựng công trình phụ.

- Công suất sản xuất trung bình của Công ty:

+ Sản xuất sơn nước với công suất 400 tấn sản phẩm/năm.

+ Số lượng, CBCNV làm việc tại Công ty: bộ phận quản lý, hành chính là 08 người, bộ phận sản xuất là 62 người. Tổng cộng là 70 người.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động của Công ty tại Cụm công nghiệp Lại Yên, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến nay.

- Công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu → Nạp liệu vào thùng pha chế → Khuấy trộn → Kiểm tra sản phẩm → Đóng thùng sản phẩm → Nhập kho thành phẩm.

- Quy mô: nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Unichem - Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao các Phòng căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Sở TN và MT Hà Nội;
- UBND huyện Hoài Đức;
- Công ty TNHH Unichem - Việt Nam;
- Lưu: VT, TNMT.

(MHS:202.300.001.7289.CCMT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / / của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

I. Tại thời điểm xin cấp giấy phép môi trường, hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Trường An chưa đi vào vận hành chính thức và mạng lưới thu gom, đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp chưa hoàn thiện, thực hiện cấp phép xả nước thải như sau:

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải xí tiêu; nước thải bồn rửa tay, thoát sàn,...) từ các khu nhà (Khu nhà văn phòng, khu xưởng sản xuất).

Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh bồn trộn; rửa dụng cụ sản xuất; rửa sân, rửa sàn nhà xưởng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10m³/ngày đêm được xả ra môi trường tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Lại Yên, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải 10m³/ngày.đêm được thoát ra hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Lại Yên thuộc xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội bằng đường ống PVC D90mm;

- Tọa độ vị trí xả nước thải: 01 điểm xả tại tọa độ: X = 2.325.157 Y = 574.364

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội – QCVN 02:2014/BTNMT (cột B, C_{max} = C, áp dụng khi nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung tập trung) và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2 áp dụng cơ sở sản xuất dưới 500 người) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột B, C _{max} =C				

1	Nhiệt độ	°C	40	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ^(*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ^(**)
2	Màu	Pt/Co	150		
3	pH	-	5,5-9		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
5	COD	mg/l	150		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
7	Crom (VI)	mg/l	0,1		
8	Crom (III)	mg/l	1		
9	Đồng	mg/l	2		
10	Sắt	mg/l	5		
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
12	Tổng Nitơ	mg/l	40		
13	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6		
14	Cl dư	mg/l	2		
15	Coliform	Vikhuẩn/ 100ml	5.000		
II	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2				
16	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
17	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
18	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200		
19	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
20	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		

(*), (**): theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải riêng biệt hệ thống thu gom nước mưa.

+ Tuyến thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Hệ thống đường ống PVC D60, D110 → Bể tự hoại 4 ngăn dung tích 15m³ → Hệ thống đường ống PVC D110 → Bể gom nước thải 10m³ → Hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm → hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Lại Yên.

+ Tuyến thu gom nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Hệ thống rãnh thu BxL=0,15x0,2m → Bể gom nước thải 10m³ → Hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm → hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Lại Yên.

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải 10m³/ngày.đêm theo đường ống PVC D90mm được thoát ra hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Lại Yên thuộc xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Vị trí: Đặt tại vị trí Đông Bắc cuối khu đất.

- Quy trình công nghệ: Nước thải bao gồm: (1) Nước thải xí, tiểu, khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn; (2) Nước thải bồn rửa tay, thoát sàn (3) Nước thải sản xuất được thu gom vào Bể gom, tiếp tục xử lý tại 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10m³/ngày.đêm: (Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng → Bể trung gian → Bể

lọc → Bể chứa sau lọc) → xả thải qua đường ống PVC D90 → Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Lại Yên thuộc xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Công suất thiết kế: 10m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch A100 - phèn nhôm (PAC) nồng độ 0,05%, Dung dịch Polymer A1110 0,2%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý nước thải, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và ứng phó sự cố kịp thời.

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, các công trình xử lý, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này, phải khóa van xả nước thải sau xử lý ra môi trường, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 60/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 08/09/2017 của Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực nạp liệu và bồn trộn số 01.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực nạp liệu và bồn trộn số 02.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải số, vị trí xả thải:

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý từ nguồn phát sinh khí thải số 01 và 02).

- Vị trí: Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2.325.891 Y = 574.443.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất, phương thức xả khí thải:

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 2000m³/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Gián đoạn và thủ công (xả thải khi sản xuất)

2.3. Chất lượng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với K_p=1,0 (áp dụng với lưu lượng nguồn thải nhỏ hơn 20.000m³/h); K_v=0,9 (áp dụng với khu vực huyện Hoài Đức đối với các thông số: bụi tổng, SO₂) và K_v=1 (áp dụng với khu vực huyện Hoài Đức đối với các thông số: NO_x; H₂S); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (đối với thông số Styren), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	2000		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	(*)Không thuộc đối tượng	(**) Không thuộc đối tượng
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	450		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1000		
6	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		
7	Styren	mg/Nm ³	100		

- K_p = 1 (khi P ≤ 20.000 m³/giờ).

- K_v = 0,9 (Thông số: Bụi tổng; SO₂ theo khu vực huyện Hoài Đức).

- K_v = 1,0 (Thông số: CO; NO_x (tính theo NO₂); H₂S theo khu vực huyện Hoài Đức).

(*): Theo quy định tại Điều 98 và Phụ lục số XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

(**): Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải.

Khí thải từ khu vực nạp liệu và bồn trộn số 01 và số 02 → chụp hút → hệ thống xử lý bụi, các hạt bụi trong không khí chịu tác dụng của quạt hút ly tâm sẽ theo hệ thống đường ống dẫn qua túi lọc vải → Tháp hấp phụ (Thiết bị chứa than hoạt tính. Tại đây khí thải tiếp xúc với than hoạt tính sẽ hấp phụ hơi dung môi) → ra ngoài qua ống thoát khí thải trên mái nhà xưởng.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → 02 Chụp hút → 01 quạt hút → Thiết bị lọc bụi dạng ống tay áo → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí thải. Đường ống thải PVC D90 xả ra môi trường bên ngoài qua đoạn ống xả với cao độ miệng xả vượt trên cao độ mái 2,5m.

- Công suất thiết kế của quạt hút đối với từng hệ thống xử lý bụi, khí thải: 2000m³/giờ.

- Vật liệu, hóa chất sử dụng:

04 túi lọc bụi dạng ống tay áo vật liệu sợi polyester có khả năng chịu nhiệt, chịu hơi hóa chất. Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, thay vật liệu hấp phụ định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, vật liệu hấp phụ...

+ Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 60/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 08/09/2017 của Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của dự án.

- Đào tạo đội ngũ kỹ thuật, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường khác: Để giảm nhiệt độ trong môi trường lao động, nhà máy sử dụng các quạt hút có công suất lớn để lưu thông không khí trong các nhà xưởng. Ngoài ra để làm giảm nhiệt độ, áp dụng các biện pháp sau:

- + Thiết kế nhà xưởng có độ thông thoáng cần thiết để lưu thông không khí giữa khu vực sản xuất và môi trường xung quanh.

- + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân ở những khu vực có nhiệt độ cao.

- + Đảm bảo diện tích đất trong nhà máy để trồng cây xanh tạo bóng mát.

- + Đối với các phòng điều khiển và vận hành chính trong xưởng, phòng thí nghiệm phân tích, phòng phát điện và điều khiển của trạm khí nén phòng điều của trạm bơm nước tuần hoàn, nhà hành chính văn phòng được lắp máy điều hoà nhiệt độ để cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo hoạt động của thiết bị điều khiển.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực máy móc thiết bị hoạt động tại Cơ sở.
- Nguồn số 02: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn số 01: X = 2.325.908; Y= 574.466
- Vị trí nguồn số 02: X = 2.325.931; Y= 574.506
- Vị trí nguồn số 03: X = 2.325.894; Y= 574.447

(Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng kiểm tra các thiết bị lắp đặt tại hệ thống dây chuyền sản xuất, hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý bụi, khí thải, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung (máy khuấy, bơm, quạt hút,...) phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung/.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Cặn sơn, sơn thải	08 01 01	200
2	Dung môi tẩy sơn	08 01 05	20
3	Hộp mực in thải	08 02 04	10
4	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	200
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
6	Dầu thủy lực thải	17 01 06	15
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	120
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	50
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	60
10	Vật liệu lọc, giẻ lau dính chất thải nguy hại	18 02 01	30
11	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	10
Tổng			720

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 6.552kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 3.120kg/năm

- Bùn cặn từ bể tự hoại phát sinh lớn nhất khoảng 3000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa có dung tích 100 lit và 02 ngăn chứa riêng biệt. Trên từng thùng có dán nhãn (tên, mã) cho từng danh mục CTNH phát sinh.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: kho lưu giữ CTNH đặt tại chính giữa nhà xưởng cơ sở có diện tích: 14m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: sàn bê tông, có khả năng chống thấm, có vách ngăn, có mái che; có treo biển cảnh báo CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 01 khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường có tổng diện tích là 1,5m².

- Bùn cặn bể tự hoại được lưu chứa tại bể tự hoại có dung tích 15m³.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết chất thải rắn thông thường có diện tích khoảng 1,5m², có mái che, đặt cạnh kho lưu giữ CTNH.

- Bùn cặn bể tự hoại được lưu chứa trong bể bể tự hoại.

2.2.3. Biện pháp quản lý:

- Đối với chất thải rắn thông thường chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Đối với bùn cặn bể tự hoại ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tới hút đi xử lý theo quy định với tần suất 01 năm/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Cuối mỗi ngày nhân viên vệ sinh của cơ sở sẽ thu gom chất thải từ thùng rác đổ vào 03 thùng chứa loại 100 lít đặt tại khu vực tập kết, cạnh kho lưu giữ chất thải nguy hại.

- Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 1,5m², có mái che, đặt cạnh kho lưu giữ CTNH.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 1,5m² và có treo biển báo.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: có sàn bê tông có khả năng chống thấm, mái tôn, không phát tán, rò rỉ, dẫn nhãn biển báo khu vực lưu giữ chất thải rắn theo quy định. Rác thải sinh hoạt được phân loại như sau:

- + Thùng rác số 1: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế.

- + Thùng rác số 2: chất thải thực phẩm.

- + Thùng rác số 3: chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.3.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các biện pháp phân loại rác thải tại nguồn; thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống công trình thủy lợi của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.